

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024

*Kính trình Chủ tịch
UBND tỉnh
21/8/2023
HQU*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định: "4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhưng phải bảo đảm tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này".

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 là cần thiết, phù hợp và đúng quy định.

II. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Thực trạng số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP

Căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP¹ (nay bị bãi bỏ bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP), HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh²; theo đó, tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí tối đa theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn³. Tính đến ngày 31/7/2023 (trước ngày 01/8/2023 khi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), tỉnh Quảng Ngãi có số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí tối đa theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã⁴ là **2.148 người**.

Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã có mặt tính đến ngày 31/7/2023 là **1.921 người** (trong số 1.921 người có 119 người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã); có **10** cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách cấp xã; còn **98** người hoạt động không chuyên trách cấp xã còn khuyết dự kiến bố trí, kiện toàn trong thời gian tới⁵.

¹ Khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định:

“4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau: “Điều 13. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn: 1. Loại 1 tối đa 14 người; 2. Loại 2 tối đa 12 người; 3. Loại 3 tối đa 10 người”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau: “Điều 14. Phụ cấp và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau:

a) Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở;
b) Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở;
c) Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp quy định tại khoản 1 Điều này và căn cứ vào đặc thù của từng cấp xã, yêu cầu quản lý, tỷ lệ chi thường xuyên của cấp xã, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

a) Quy định chức danh và bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bằng hoặc thấp hơn quy định tại Điều 13 Nghị định này;

b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.”

² quy định chức danh, bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

³ Xã, phường, thị trấn loại 1: bố trí tối đa 14 người; xã, phường, thị trấn loại 2: bố trí tối đa 12 người; xã, phường, thị trấn loại 3: bố trí tối đa 10 người.

⁴ Tính đến ngày 31/7/2023, tỉnh Quảng Ngãi có 173 xã, phường, thị trấn; trong đó: 148 xã, 8 thị trấn, 17 phường; loại I: 40 đơn vị hành chính; loại II: 129 đơn vị hành chính; loại III: 4 đơn vị hành chính.

⁵ Thành phố 5; Bình Sơn 15; Sơn Tịnh 8; Tư Nghĩa 9; Nghĩa Hành 15; Mộ Đức 9; Đức Phổ 12; Ba Tơ 10; Sơn Hà 5; Sơn Tây 1; Trà Bồng 9.

2. Đề xuất giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP

Tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhưng phải bảo đảm tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này”.

Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người”. Tính đến ngày 15/8/2023, tỉnh Quảng Ngãi có 173 xã, phường, thị trấn⁶; trong đó: có 45 đơn vị hành chính loại I; 124 đơn vị hành chính loại II; 4 đơn vị hành chính loại III. Do đó, **số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2024 theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 2.158 người** (tăng 10 người so với số lượng bố trí tối đa quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND, vì 5 xã thuộc huyện Bình Sơn được phân loại đơn vị hành chính cấp xã tại Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh (từ loại II lên loại I) sau khi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/8/2023) nên không được điều chỉnh, bố trí theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

Tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau: **a) Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách; b) Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định tại điểm a khoản này thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách”.**

Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “3. Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) và diện tích tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm để xác định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này

⁶ trong đó: 148 xã, 8 thị trấn, 17 phường.

thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. **Trường hợp ở đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm có thay đổi về quy mô dân số, diện tích tự nhiên quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có thay đổi về loại đơn vị hành chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, điều chỉnh tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh) bảo đảm theo đúng quy định**"; trong khi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/8/2023 nên số liệu quy mô dân số và diện tích tự nhiên để làm căn cứ tính số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã tăng thêm là thời điểm 31/12/2023; do đó, hiện nay chưa đủ cơ sở để UBND tỉnh đề xuất giao số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên trong năm 2024. Nội dung này, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (tính cho cả đơn vị hành chính cấp tỉnh) theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ trong những năm tiếp theo.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên và trên cơ sở yêu cầu thực tiễn của địa phương, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc huyện, thị xã, thành phố năm 2024 theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã là **2.158 người (trong đó: có 2.148 người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí tối đa theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND và bổ sung thêm 10 người hoạt động không chuyên trách cấp xã cho huyện Bình Sơn theo quyết định phân loại đơn vị hành chính của 5 xã thuộc huyện⁷)**. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao của từng huyện, thị xã, thành phố (có phụ lục kèm theo).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định (có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

⁷ Bình Thanh, Bình Minh, Bình Đông, Bình Nguyên, Bình Thuận thuộc huyện Bình Sơn.

PHỤ LỤC

Giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngàythángnăm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| TT | Tên đơn vị hành chính cấp huyện | Tổng số ĐVHC cấp xã trực thuộc | Tổng số loại ĐVHC xã, phường, thị trấn | | | Số lượng giao năm 2024 | Ghi chú |
|----|---------------------------------|--------------------------------|--|------------|----------|------------------------|---------|
| | | | Loại I | Loại II | Loại III | | |
| 1 | Thành phố Quảng Ngãi | 23 | 7 | 16 | | 290 | |
| 2 | Thị xã Đức Phổ | 15 | 5 | 8 | 2 | 186 | |
| 3 | Huyện Bình Sơn | 22 | 11 | 11 | | 286 | |
| 4 | Huyện Mộ Đức | 13 | 4 | 9 | | 164 | |
| 5 | Huyện Tư Nghĩa | 14 | 7 | 7 | | 182 | |
| 6 | Huyện Nghĩa Hành | 12 | 1 | 11 | | 146 | |
| 7 | Huyện Sơn Tịnh | 11 | 2 | 8 | 1 | 134 | |
| 8 | Huyện Trà Bồng | 16 | | 16 | | 192 | |
| 9 | Huyện Ba Tơ | 19 | 4 | 15 | | 236 | |
| 10 | Huyện Sơn Hà | 14 | 4 | 10 | | 176 | |
| 11 | Huyện Sơn Tây | 9 | | 9 | | 108 | |
| 12 | Huyện Minh Long | 5 | | 4 | 1 | 58 | |
| | Tổng cộng | 173 | 45 | 124 | 4 | 2.158 | |